

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.576.169.917.773	1.409.257.508.639
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	78.841.264.075	115.636.730.671
1. Tiền	111	78.841.264.075	65.636.730.671
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	136.090.846.373	
1. Chứng khoán kinh doanh	121		
2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh (122		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	136.090.846.373	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	245.139.459.376	107.279.059.563
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	108.062.154.486	11.599.721.501
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	28.606.440.670	38.806.877.429
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	108.470.864.220	56.872.460.633
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		
IV. Hàng tồn kho	140	1.115.296.986.854	1.169.672.714.453
1. Hàng tồn kho	141	1.115.296.986.854	1.169.672.714.453
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	801.361.095	16.669.003.952
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	801.361.095	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.669.003.952
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	106.201.584.474	125.775.551.627
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		
6. Phải thu dài hạn khác	216		
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		
II. Tài sản cố định	220	31.809.867.124	34.302.772.036
1. Tài sản cố định hữu hình	221	31.809.867.124	34.302.772.036
- Nguyên giá	222	61.613.888.656	61.493.065.020
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(29.804.021.532)	(27.190.292.984)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		
- Nguyên giá	225		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		
3. Tài sản cố định vô hình	227		
- Nguyên giá	228		

- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		
III. Bất động sản đầu tư	230		
- Nguyên giá	231		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	71.860.617.350	78.513.483.996
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	71.677.871.956	78.513.483.996
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	182.745.394	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	2.531.100.000	12.959.295.595
1. Đầu tư vào công ty con	251		11.016.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	26.004.980.980	26.004.980.980
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	(23.473.880.980)	(24.061.685.385)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
VI. Tài sản dài hạn khác	260		
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
4. Tài sản dài hạn khác	268		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	1.682.371.502.247	1.535.033.060.266

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300	685.117.614.742	574.648.225.509
I. Nợ ngắn hạn	310	480.059.924.521	418.980.432.288
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	80.074.303.344	73.360.814.922
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	129.515.324.260	122.760.931.540
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	35.967.048.662	21.111.378.820
4. Phải trả người lao động	314	3.547.770.139	3.025.469.247
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.118.315.593	1.374.426.443
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	193.216.839.083	186.541.613.298
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24.955.305.220	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	8.665.018.220	10.805.798.018
13. Quỹ bình ổn giá	323		
14. Giao dịch mua bán lại trả phiếu chính phủ	324		
II. Nợ dài hạn	330	205.057.690.221	155.667.793.221
1. Phải trả dài hạn người bán	331		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		
5. Phải trả dài hạn nội bộ dài hạn	335		
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		
7. Phải trả dài hạn khác	337	10.860.233.000	25.527.733.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	194.197.457.221	130.140.060.221
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		
D. Vốn chủ sở hữu (400= 410 + 430)	400	997.253.887.505	960.384.834.757
I. Vốn chủ sở hữu	410	997.253.887.505	960.384.834.757

1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	636.000.000.000	636.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	636.000.000.000	636.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	8.994.035.440	8.994.035.440
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	(139.616.197.028)	(139.616.197.028)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	84.280.000.000	79.580.000.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	407.596.049.093	375.426.996.345
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	303.160.059.345	281.577.665.270
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	104.435.989.748	93.849.331.075
12. Nguồn vốn đầu tư XD cơ bản	422		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
1. Nguồn kinh phí	431		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300 + 400)	440	1.682.371.502.247	1.535.033.060.266

Hà nội, ngày 24 tháng 1 năm 2019

Lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Kim Huệ



Đỗ Huy Khải



Nguyễn Văn Kha

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY MẸ

Quý 4 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	Quý IV		Luỹ kế năm	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	432.976.419.991	46.171.270.758	714.117.642.444	275.248.651.777
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	432.976.419.991	46.171.270.758	714.117.642.444	275.248.651.777
4. Giá vốn hàng bán	11	342.773.362.852	68.197.777.812	565.169.589.874	205.984.918.543
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	90.203.057.139	(22.026.507.054)	148.948.052.570	69.263.733.234
6. Doanh thu từ hoạt động tài chính	21	1.624.726.849	81.195.852.148	3.047.098.873	81.741.936.638
7. Chi phí tài chính	22	5.114.895.595	1.850.693.514	5.406.918.289	2.774.110.032
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.071.893.514</i>	<i>486.722.694</i>	<i>1.083.005.627</i>
8. Chi phí bán hàng	25	110.000.000	3.182.200.675	110.000.000	3.182.200.675
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.970.388.643	4.724.328.964	14.679.279.018	15.438.308.659
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	81.632.499.750	49.412.121.941	131.798.954.136	129.611.050.506
11. Thu nhập khác	31	-		392.727	1.686.640.802
12. Chi phí khác	32	811.439.594	8.095.141.301	947.970.694	9.632.413.087
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(811.439.594)	(8.095.141.301)	(947.577.967)	(7.945.772.285)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	80.821.060.156	41.316.980.640	130.851.376.169	121.665.278.221
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	16.409.323.220	10.242.419.684	26.415.386.421	27.815.947.146
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	64.411.736.936	31.074.560.956	104.435.989.748	93.849.331.075
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.056	510	1.712	1.539
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71				

Người lập biểu



Nguyễn Kim Huệ

Kế toán trưởng



Đỗ Huy Khải

Hà nội, ngày 24 tháng 1 năm 2019

Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Văn Kha

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CÔNG TY MẸ

Theo phương pháp trực tiếp

Quý 4 năm 2018

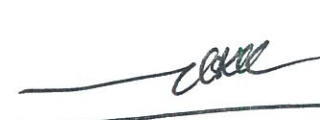
Chỉ tiêu	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này		Năm trước
		Năm nay	Năm trước	
1	3	4	5	6
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	...	665,855,235,346	441,530,875,121	441,530,875,121
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	...	(620,197,322,203)	(565,114,435,602)	(565,114,435,602)
3. Tiền chi trả cho người lao động	...	(18,155,405,865)	(16,329,561,389)	(16,329,561,389)
4. Tiền lãi vay đã trả	...	(188,234,826)	(303,032,143)	(303,032,143)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	...	(32,758,384,785)	(19,744,848,248)	(19,744,848,248)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	...	140,488,866,722	38,023,069,412	38,023,069,412
7. Tiền chi khác cho các hoạt động kinh doanh	...	(262,190,590,081)	(6,351,008,357)	(6,351,008,357)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	...	(127,145,835,692)	(128,288,941,206)	(128,288,941,206)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	...			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn k	...	(120,823,636)	(310,786,364)	(310,786,364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài	...		-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	...			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị kh	...			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	...		(62,201,285,930)	(62,201,285,930)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	...		170,000,000,000	170,000,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	...	1,458,490,512	798,421,977	798,421,977
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	...	1,337,666,876	108,286,349,683	108,286,349,683
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	...			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	...			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	...			
3. Tiền thu từ đi vay	...	146,187,396,900	180,180,060,221	180,180,060,221
4. Tiền trả nợ gốc vay	...	(57,174,694,680)	(75,042,253,996)	(75,042,253,996)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	...			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	...			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	...	89,012,702,220	105,137,806,225	105,137,806,225
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	...	(36,795,466,596)	85,135,214,702	85,135,214,702
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	...	115,636,730,671	30,501,515,969	30,501,515,969
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	...			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	VII.34	78,841,264,075	115,636,730,671	115,636,730,671

Người lập biểu



Nguyễn Kim Huệ

Kế toán trưởng



Đỗ Huy Khải

Hà nội, ngày 24 tháng 1 năm 2019

Người đại diện theo pháp luật




Nguyễn Văn Kha

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 4 và Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng hạ tầng đô thị; Tổ chức kinh doanh nhà; Kinh doanh bất động sản; Tổ chức kinh doanh dịch vụ chung cư.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Ngày 25/12/2017 Hội đồng quản trị Công ty có nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐQT- LIDECO. Về việc phê duyệt phương án thoái vốn toàn bộ tại Công ty Cổ phần Lideco 2.

Ngày 18/9/2018 Hội đồng quản trị Công ty có nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐQT- LIDECO. Về việc phê duyệt thoái vốn toàn bộ tại Công ty Cổ phần Lideco 8.

Kết thúc kỳ báo cáo tài chính 31-12-2018. Công ty mẹ đã hoàn tất thoái vốn khỏi 02 công ty con.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm – Xí nghiệp 1	Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm – BQL Dự án Dịch Vọng	Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm – BQL Dự án Dịch Vọng	
Chi nhánh Công ty cổ phần Phát triển đô thị Từ Liêm – Lideco Hạ Long	Số 29+31 đường 25/4 phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 117 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 111 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán theo quyết định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính Công ty mẹ giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính Công ty mẹ.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh. Nếu công ty con, công ty liên doanh là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính..

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm tất cả chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

11. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao hoặc thông báo bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu xây dựng các căn biệt thự, liền kề được ghi nhận khi khách hàng đã nộp đủ tiền và đã bàn giao nhà cho khách hàng hoặc khách hàng đã nộp đủ tiền mua nhà nhưng chưa đến nhận bàn giao hoặc chưa nộp đủ tiền nhưng đã nhận bàn giao nhà và có đơn xin chậm trả được công ty chấp nhận

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ QUÝ 4 VÀ NĂM 2018

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	10.531.049.246	5.317.433.325
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	68.310.214.829	60.319.297.346
Các khoản tương đương tiền	0	50.000.000.000
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.</i>	<i>0</i>	<i>50.000.000.000</i>
Cộng	<u>78.841.264.075</u>	<u>115.636.730.671</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dư phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dư phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<i>Đầu tư vào công ty con</i>						
Công ty CP Lideco 2	0	-	0	11.016.000.000	(393.104.405)	10.622.895.595
Công ty CP Lideco 8	0	-	0	5.916.000.000	(393.104.405)	5.522.895.595
	0	-	0	5.100.000.000	-	5.100.000.000
<i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>						
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC	26.004.980.980	(23.473.880.980)	2.531.100.000	26.004.980.980	(23.668.580.980)	2.336.400.000
	26.004.980.980	(23.473.880.980)	2.531.100.000	26.004.980.980	(23.668.580.980)	2.336.400.000
Cộng	26.004.980.980	(23.473.880.980)	2.531.100.000	37.020.980.980	(24.061.685.385)	12.959.295.595

Kết thúc kỳ báo cáo tài chính 31-12-2018. Công ty mẹ đã hoàn tất việc thoái vốn khỏi 02 Công ty con.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	107.967.354.486	11.599.721.501
Phải thu về hoạt động KD BĐS	107.188.592.747	10.969.141.281
Phải thu về hoạt động xây lắp	630.580.220	630.580.220
Phải thu hoạt động khác	148.181.519	-
Phải thu của khách hàng dài hạn	0	0
Phải thu về hoạt động KD BĐS	0	0
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	94.800.000	0
Công ty CP Lideco 2	94.800.000	0
Công ty CP Lideco 8	0	0
Cộng	<u>108.062.154.486</u>	<u>11.599.721.501</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	28.606.440.670	38.806.877.429
DA Dịch Vọng	27.000.000	792.640.000
DA Bắc Quốc lộ 32	12.826.165.480	4.400.000.000
DA Quảng Ninh	13.072.251.837	31.596.094.009
Các khách hàng khác	108.600.000	427.500.000
Các công ty liên quan	2.572.423.353	1.590.643.420
Cộng	28.606.440.670	38.806.877.429

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	108.470.864.220		56.872.460.633	
- Cổ tức lợi nhuận được chia			306.000.000	
- Thuế TNDN theo tỷ lệ 1% trên doanh thu thu tiền theo tiến độ của dự án	1.166.074.779		1.264.546.952	
- Thuế GTGT kê khai theo tiến độ thu tiền	10.773.550.046		11.076.593.253	
- Phải thu kinh phí thực hiện dự án Dịch Vọng – Cty CP Hà Đô	9.554.112.477		12.083.575.477	
- Tạm ứng	81.312.644.000		27.952.400.000	
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.020.379.525		3.624.768.771	
- Ký quỹ, cầm cố	15.000.000			
- Lãi dự thu	629.103.393		564.576.180	
Dài hạn	0		0	
Cộng	108.470.864.220		56.872.460.633	

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu tồn kho	10.145.708.022		10.201.575.625	
Chi phí SXKD dở dang (HĐ XL)	1.221.244.853		1.221.244.853	
Chi phí SXKD dở dang (HĐ BĐS)	1.103.930.033.979		1.158.249.893.975	
Cộng	1.115.296.986.854		1.169.672.714.453	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	48.777.746.930	399.025.000	12.190.252.181	126.040.909	61.493.065.020
Tăng trong kỳ				120.823.636	120.823.636
Giảm trong kỳ					0
Số cuối kỳ	48.777.746.930	399.025.000	12.190.252.181	246.864.545	61.613.888.656
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	14.723.726.728	222.865.000	12.190.252.181	53.449.075	27.190.292.984
Khấu hao trong kỳ	2.492.932.776			120.795.772	2.613.728.548
Giảm trong kỳ					0
Số cuối kỳ	17.216.659.504	222.865.000	12.190.252.181	174.244.847	29.804.021.532
Số đầu năm	24.760.190.439	176.160.000	704.332.105	21.675.755	34.302.772.036
Số cuối kỳ	31.561.087.426	176.160.000	0	72.619.698	31.809.867.124

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí SXKD dở dang HĐ đầu tư dự án KD BĐS	71.860.617.350	71.860.617.350	78.513.483.996	78.513.483.996
Dự án Tây Mỗ	74.915.455	74.915.455	10.545.454.545	10.545.454.545
Dự án Xuân Đình	10.731.253.192	10.731.253.192	10.731.253.192	10.731.253.192
Khu nhà CBCNV Đông Ngạc	1.389.448.777	1.389.448.777	1.389.448.777	1.389.448.777
Tòa nhà No11	59.482.254.532	59.482.254.532	55.847.327.482	55.847.327.482
Dự án khác	182.745.394	182.745.394		
Cộng	71.860.617.350	71.860.617.350	78.513.483.996	78.513.483.996

10. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	80.074.303.344	73.360.814.922
Nhà cung cấp HĐ Xây lắp	0	
Nhà cung cấp HĐ Bất động sản	80.026.534.944	72.455.542.682
Nhà cung cấp HĐ khác	0	
Phải trả các bên liên quan	47.768.400	905.272.240
+ Công ty Lideco 2	0	885.675.840
+ Công ty Lideco 8	47.768.400	19.596.400
Dài hạn		
Cộng	80.074.303.344	73.360.814.922

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>129.515.324.260</i>	<i>122.760.931.540</i>
Hạ tầng DA Bắc Quốc lộ 32	3.200.000.000	3.171.913.000
Xây dựng DA Bắc Quốc Lộ 32	19.764.242.738	26.794.967.940
DA chung cư lô 4.5 Trần Hưng Đạo- QN	104.668.581.522	92.794.050.600
Các dự án khác	1.882.500.000	0
Cộng	<u>129.515.324.260</u>	<u>122.760.931.540</u>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
a/ Thuế GTGT	-	68.414.914.876	53.302.674.220	15.112.240.656
* Thuế GTGT- VP Công ty	-	6.197.563.198	355.068.932	5.842.494.266
* Thuế GTGT - Chi nhánh Hạ Long	-	62.090.928.757	52.947.605.288	9.143.323.469
b/ Thuế TNDN	20.366.926.707	32.499.569.986	32.758.384.785	20.108.111.908
* Thuế TNDN - VP Công ty	19.752.253.756	7.209.525.857	23.145.267.394	3.816.512.219
- Thuế TNDN theo KQKD	19.688.338.918	6.498.813.943	22.923.846.916	3.263.305.945
- Thuế TNDN kê khai theo tiến độ thu tiền	63.914.838	710.711.914	221.420.478	553.206.274
* Thuế TNDN - CN Hạ Long	614.672.951	25.290.044.129	9.613.117.391	16.291.599.689
- Thuế TNDN theo KQKD	-	19.916.572.478	5.356.256.898	14.560.315.580
- Thuế TNDN kê khai theo tiến độ thu tiền	614.672.951	5.373.471.651	4.256.860.493	1.731.284.109
c/ Thuế TN cá nhân	744.452.113	4.006.265.661	4.004.021.676	746.696.098
* Thuế TNCN - VP Cty	612.870.517	3.715.182.312	3.651.310.611	676.742.218
* Thuế TNCN - Chi nhánh Hạ Long	131.581.596	291.083.349	352.711.065	69.953.880
d/ Thuế nhà đất, tiền thuê đất - VP Công ty	-	776.695.515	776.695.515	-
e/ Các loại thuế khác - VP Công ty	-	10.049.694.680	10.049.694.680	-
Tổng cộng	<u>21.111.378.820</u>	<u>115.747.140.718</u>	<u>100.891.470.876</u>	<u>35.967.048.662</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	4.118.315.593	1.374.426.443
Chi phí lãi vay phải trả	2.729.553.149	1.374.426.443
Chi phí khác	1.388.762.444	
Dài hạn		
Cộng	4.118.315.593	1.374.426.443

14. Phải trả khác

<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, ĐPCĐ	38.550.660	39.021.806
BHXH, BHYT, BHTN, ...	0	0
Cổ tức phải trả cổ đông.	61.003.626.000	61.003.626.000
Công ty cổ phần Tập đoàn Hà Đô - Kinh phí thực hiện dự án Dịch Vọng	120.000.000.000	120.000.000.000
Khách hàng nộp thừa, đặt cọc thuê VP	1.033.719.202	0
Phải trả đội XD, trả khác	1.887.581.480	2.637.581.480
Phải trả tiền bảo trì các tòa nhà, bảo hiểm cháy nổ	67.070.398	990.919.929
Khách đặt cọc mua nhà DA Bắc Qlo 32	2.325.000.000	
Tiền kinh phí bảo trì chung cư 4,5 QN	6.368.076.099	
Phải trả ngắn hạn khác	493.215.244	1.870.464.083
Cộng	193.216.839.083	186.541.613.298

Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cty CP Trung tín - DA Xuân Đình	10.860.233.000	10.860.233.000
Công ty CP Xây dựng Phục Hưng (Tiền hợp tác kinh doanh)	0	14.400.000.000
Phải trả khác	0	267.500.000
Cộng	10.860.233.000	25.527.733.000

15. Vay ngắn hạn/ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn</i>		
Ngân hàng TMCP VN- CN Tây HN	24.955.305.220	0
<i>Vay dài hạn</i>		
Ngân hàng TMCP VN- CN Tây HN	194.197.457.221	130.140.060.221
Cộng	219.152.762.441	130.140.060.221

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội để phục vụ sản xuất kinh doanh của bên vay và các mục đích khác theo quy định của pháp luật với lãi suất là lãi suất điều chỉnh ghi trên từng giấy nhận nợ, thời hạn cho vay đến ngày 30 tháng 9 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ phúc lợi. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Lũy kế đến cuối kỳ</u>
Số đầu năm	10.805.798.018
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	4.700.000.000
Chi quỹ	<u>6.840.779.798</u>
Số cuối kỳ	<u>8.665.018.220</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2018

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	636.000.000.000	8.994.035.440	(139.616.197.028)	79.580.000.000	375.426.996.345	960.384.834.757
Lợi nhuận sau thuế lũy kế năm 2018					104.435.989.748	104.435.989.748
Trích quỹ ĐTPT theo NQ ĐHCĐ 2018				4.700.000.000	(4.700.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo NQ ĐHCĐ 2018					(4.700.000.000)	(4.700.000.000)
Thù lao HĐQT theo NQ ĐHCĐ 2018					(1.876.987.000)	(1.876.987.000)
Trích nguồn cổ tức trả các cổ đông					(60.989.950.000)	(60.989.950.000)
Số dư cuối năm nay	636.000.000.000	8.994.035.440	(139.616.197.028)	84.280.000.000	407.596.049.093	997.253.887.505

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	636.000.000.000	636.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	8.994.035.440	8.994.035.440
Cổ phiếu quỹ	(139.616.197.028)	(139.616.197.028)
Cộng	505.377.838.412	505.377.838.412

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2018

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	63.600.000	63.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành công chúng		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>63.600.000</i>	<i>63.600.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.610.050</i>	<i>2.610.050</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>60.989.950</i>	<i>60.989.950</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY MẸ QUÝ 4 NĂM 2018

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Doanh thu hoạt động xây lắp	593.337.971	1.169.830.909
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	426.639.077.419	43.475.081.004
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.744.004.601	1.526.358.845
Doanh thu với các bên liên quan	0	
+ Công ty Lideco 2		
+ Công ty Lideco 8		
Cộng	<u>432.976.419.991</u>	<u>46.171.270.758</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động xây lắp	593.337.971	1.169.830.909
Giá vốn của hoạt động kinh doanh Bất động sản	338.706.301.493	65.728.924.110
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.473.723.388	1.299.022.793
Cộng	<u>342.773.362.852</u>	<u>68.197.777.812</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Lãi tiền gửi, cho vay	1.624.726.849	594.689.648
Cổ tức, lợi nhuận được chia		601.162.500
Thu nhập từ đầu tư, chuyển nhượng vốn góp		80.000.000.000
Cộng	<u>1.624.726.849</u>	<u>81.195.852.148</u>

4. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Lỗ từ hoạt động đầu tư vốn	5.114.895.595	1.850.693.514
Chi phí khác		
Cộng	<u>5.114.895.595</u>	<u>1.850.693.514</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng.

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Là chi phí dịch vụ bán hàng, sản phẩm KD BĐS	110.000.000	3.182.200.675
Cộng	110.000.000	3.182.200.675

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Chi phí tiền lương CBCNV	3.091.842.836	2.184.654.830
Chi phí công cụ dụng cụ quản lý	25.000.000	327.650.400
Chi phí khấu hao TSCĐ	249.595.697	754.248.144
Thuế, phí, lệ phí	48.095.662	27.856.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.136.014.979	1.028.599.720
Chi phí khác	419.839.469	401.319.817
Cộng	4.970.388.643	4.724.328.964

7. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Thu nhập khác từ hoạt động kinh doanh		1.674.079.417
Cộng	0	1.674.079.417

8. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Phạt vi phạm hành chính		
Chi phí khác	811.439.594	8.095.141.301
Cộng	811.439.594	8.095.141.301

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	16.409.323.220	10.242.419.684
Cộng	16.409.323.220	10.242.419.684

10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Cộng	64.411.736.936	31.074.560.956

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 4/2018 so với quý 4/2017 tăng: **33.337.175.980** đồng

Tương ứng tỷ lệ tăng là 107 %

Nguyên nhân:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi nhuận quý 4/2018 tăng hơn quý 4/2017 chủ yếu là doanh thu dự án chung cư lô 4.5 Trần Hưng Đạo, Công ty đã ghi nhận các căn đã thu đủ tiền và bàn giao cho khách hàng đủ điều kiện để phản ánh doanh thu. Đồng thời dự án Bắc Quốc lộ 32 đã khởi động đầu tư hạ tầng nên Công ty tiếp tục bán hàng và ghi nhận các căn đủ điều kiện doanh thu. Cụ thể như sau:

- Doanh thu quý 4/2018 tăng 386.805.149.233đ (838%) so với quý 4/2017 chủ yếu là do .
 - + Dự án chung cư lô 4.5 Quảng Ninh đã ghi nhận : 367.161.994.564 đ
 - + Dự án Bắc Quốc lộ 32 ghi nhận: 64.494.687.003 đ.
- Giá thành quý 4/2018 cũng tăng 274.575.585.040 đ với tỉ lệ 403% so với quý 4/2017.
 - + Dự án chung cư lô 4.5 Quảng Ninh : 316.531.486.847 đ
 - + Dự án Bắc Quốc lộ 32 : 25.040.931.210 đ
- Chi phí bán hàng quý 4/2018 giảm 3.072.200.675đ (97%) so với quý 4/2017 do sử dụng tốt công tác bán hàng tại các dự án.
- Chi phí tài chính quý 4 năm nay tăng 3.264.202.081đ (176%) là do khoản lỗ từ việc thoái vốn tại các công ty con.

Từ các yếu tố trên đưa đến lợi nhuận quý 4/2018 tăng 107% so với quý 4/2017.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

1.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Luỹ kế năm</u>
Tiền lương, thưởng	4.699.027.318
Phụ cấp HĐQT	1.397.487.800
Cổ tức	11.967.260.000
Cộng	<u>18.063.775.118</u>

1.2. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan đến thời điểm 31/12/2018 với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Lideco 2	Công ty con
Công ty Cổ phần Lideco 8	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong 2018 giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Số cuối năm

Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công nợ phải thu		
<i>Công ty Cổ phần Lideco 2</i>		0
Phải thu tiền thuê Văn phòng		
<i>Công ty Cổ phần Lideco 8</i>		306.000.000
Phải thu tiền cổ tức		306.000.000
Cộng nợ phải thu	0	306.000.000
Công nợ phải trả		
<i>Công ty Cổ phần Lideco 2</i>	0	885.675.840
Phải trả tiền khối lượng xây lắp		885.675.840
<i>Công ty Cổ phần Lideco 8</i>	19.596.400	19.596.400
Phải trả tiền khối lượng xây lắp	19.596.400	19.596.400
Cộng nợ phải trả	19.596.400	905.272.240

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	24.955.305.220	194.197.457.221		219.152.762.441
Phải trả người bán	80.074.303.344	0		80.074.303.344
Các khoản phải trả khác	193.216.839.083	10.860.233.000		204.077.072.083
Cộng	298.246.447.647	205.057.690.221		503.304.137.868

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 24 tháng 1 năm 2019

Người đại diện theo pháp luật

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Kim Huệ

Đỗ Huy Khải

Nguyễn Văn Kha